

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

| | | | |
|---|--|--------------------------------|------|
| Tên học phần: | Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng | | |
| Mã học phần: | 71SCMN40373 | Số tin chỉ: | 3 |
| Mã nhóm lớp học phần: | 231_71SCMN40373_01,02,03,04 | | |
| Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận | Thời gian làm bài: | 75 | phút |
| <i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i> | <input checked="" type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | |

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức đánh giá | Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%) | Câu hỏi thi số | Điểm số tối đa | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI |
|--------------|--|------------------------------|--|--|----------------|-------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO 1 | Phân biệt các loại, chức năng của các nhà kho; tính toán được số lượng đặt hàng nhằm tối ưu chi phí tồn kho thông qua áp dụng các loại mô hình tồn kho phổ biến; và phân loại các điều kiện Incoterms. | TỰ LUẬN + TRẮC NGHIỆM | 40% | Tất cả câu hỏi trắc nghiệm và 2 câu hỏi tự luận | 10 | |
| CLO 2 | Hiểu và áp dụng các yếu tố ảnh hưởng đến dịch vụ khách hàng; các vấn đề cơ bản trong quản trị chuỗi cung ứng trong phân tích và giải quyết vấn đề doanh nghiệp | TRẮC NGHIỆM | 15% | Tất cả câu hỏi trắc nghiệm | 5 | |
| CLO 3 | Giao tiếp với người khác một cách hiệu quả (bằng ngôn ngữ, cử chỉ, điện thoại, văn bản); đồng thời phối hợp thuận thực với các thành viên khác trong quá trình làm việc nhóm | TRẮC NGHIỆM | 10% | Tất cả câu hỏi trắc nghiệm | 5 | |
| CLO 4 | Phân tích và đề xuất giải pháp cho các vấn đề cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng xung quanh các khía cạnh vận tải, sản xuất, tồn kho, và sự phối hợp trong chuỗi. | TỰ LUẬN | 35% | Tất cả câu hỏi trắc nghiệm và câu 1 của phần tự luận | 8 | |

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi**Ví dụ:****PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu hỏi, mỗi câu 0.25 điểm)****Mục tiêu của mọi chuỗi cung ứng là**

- A. Tối đa hóa giá trị ròng được tạo ra
- B. Tối thiểu hóa tổng chi phí
- C. Giảm thiểu chi phí cho nhà sản xuất
- D. Tối đa hóa lợi nhuận của nhà sản xuất

ANSWER: A

Logistics là

- A. Quy trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát quá trình lưu chuyển và dự trữ hàng hoá, dịch vụ, ..., từ điểm xuất phát đầu tiên đến nơi tiêu thụ cuối cùng sao cho hiệu quả và phù hợp với yêu cầu của khách hàng
- B. Thực hiện vai trò của mình trong chuỗi cung ứng
- C. Đưa hàng ra thị trường
- D. Làm thoả mãn khách hàng

ANSWER: A

Chuỗi cung ứng được đặc trưng bởi

- A. Dòng hàng hóa xuôi
- B. Dòng hàng hóa ngược
- C. Dòng tiền xuôi
- D. Dòng thông tin xuôi

ANSWER: A

Xây dựng quan hệ khách hàng thông qua nhiều yếu tố, trong đó

- A. Tất cả các đáp án đúng
- B. Truyền thông
- C. Tư vấn
- D. Đào tạo

ANSWER: A

Hàng tồn kho được hiểu là tài sản hiện tại của một công ty, vậy theo Em hàng tồn kho nhiều cho thấy hiện trạng công ty

- A. Nhìn chung là xấu
- B. Nhìn chung là tốt
- C. Cả xấu và tốt
- D. Tùy từng trường hợp

ANSWER: A

Chuỗi cung ứng được đặc trưng bởi

- E. Dòng hàng hóa xuôi
- F. Dòng hàng hóa ngược
- G. Dòng tiền xuôi
- H. Dòng thông tin xuôi

ANSWER: A

Đặc điểm của công nghệ RFID:

- A. Tất cả đều đúng
- B. Đọc được dữ liệu từ xa
- C. Đọc được nhiều loại dữ liệu
- D. Lưu trữ được nhiều loại dữ liệu

ANSWER: A

So sánh giữa RFID và mã vạch:

- A. Tốc độ đọc thẻ của công nghệ RFID nhanh hơn công nghệ mã vạch
- B. Cả hai công nghệ đều có thể quét được nhiều thẻ cùng một lúc
- C. Chi phí đầu tư của công nghệ mã vạch cao hơn công nghệ RFID.
- D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Đặc điểm nổi bật của vận tải đường biển là:

- A. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích lớn, rủi ro tai nạn ở mức độ trung bình, giá thành thấp
- B. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, rủi ro tai nạn ở mức độ thấp, giá thành cao nhất
- C. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích lớn, rủi ro tai nạn ở mức độ rất thấp, giá thành cao nhất
- D. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, rủi ro tai nạn ở mức độ thấp nhất, giá thành thấp.

ANSWER: A

Điều kiện quy định người bán có nghĩa vụ thuê phương tiện vận tải trong Incoterms 2020 bao gồm:

- A. DAP
- B. FAS
- C. EXW
- D. Tất cả đều đúng.

ANSWER: A

Đặc điểm nổi bật của vận tải hàng không là:

- A. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, giá trị hàng hóa cao, rủi ro tai nạn ở mức độ thấp, giá thành cao
- B. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, giá trị hàng hóa thấp, rủi ro tai nạn ở mức độ cao, giá thành cao
- C. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích lớn, giá trị hàng hóa cao, rủi ro tai nạn ở mức độ rất thấp, giá thành thấp.
- D. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, giá trị hàng hóa cao, rủi ro tai nạn ở mức độ rất thấp, giá thành thấp

ANSWER: A

Với điều kiện FAS Incoterm 2020 người mua có nghĩa vụ:

- A. Thuê tàu thủy và trả cước phí vận tải tàu thủy
- B. Trả cước phí vận tải tàu thủy
- C. Thuê tàu thủy
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Điều kiện chỉ áp dụng cho vận tải đường thủy trong Incoterms 2020 bao gồm

- A. CFR
- B. FCA
- C. DPU
- D. Tất cả đều đúng.

ANSWER: A

_____ đề cập đến việc các nguyên liệu, linh kiện, vật tư, dịch vụ, và các nguồn lực khác được mua từ các nhà cung ứng để phục vụ các hoạt động của doanh nghiệp.

- A. Thu mua
- B. Bán hàng
- C. Thuê ngoài
- D. Cung ứng

ANSWER: A

Quy trình lựa chọn nhà cung ứng bao gồm?

- A. Nhận dạng nhu cầu cung ứng, phân tích tình huống (yếu tố nội tại và bên ngoài), nhận dạng và đánh giá các nhà cung ứng tiềm năng, chọn nhà cung ứng, quyết định và đánh giá
- B. Nhận dạng nhu cầu cung ứng, nhận dạng và đánh giá các nhà cung ứng tiềm năng, chọn nhà cung ứng, quyết định đánh giá

- C. Nhận dạng nhu cầu cung ứng, nhận dạng và đánh giá các nhà cung ứng tiềm năng, chọn nhà cung ứng
 D. Nhận dạng và đánh giá các nhà cung ứng tiềm năng, chọn nhà cung ứng
 ANSWER: A

Có thể làm tăng thặng dư toàn chuỗi cung ứng bằng cách?

- A. Outsource các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp
 B. In-house tất cả các hoạt động sản xuất
 C. In-house và Outsource các hoạt động sản xuất
 D. Tất cả các đáp án đều đúng

ANSWER: A

Tổng chi phí sở hữu bao gồm?

- A. Chi phí thu mua, chi phí sở hữu và chi phí hậu sở hữu
 B. Chi phí thu mua và chi phí sở hữu
 C. Chi phí sở hữu và chi phí hậu sở hữu
 D. Chi phí thu mua và chi phí hậu sở hữu

ANSWER: A

Có thể lựa chọn nhà cung ứng bằng cách?

- A. Tất cả các đáp án đều đúng
 B. Đàm phán, thương lượng
 C. Đấu giá
 D. Đấu giá ngược

ANSWER: A

Sự thiếu hợp tác trong chuỗi cung ứng sẽ làm:

- A. Tăng sự biến động trong chuỗi và giảm thặng dư toàn chuỗi
 B. Giảm sự biến động trong chuỗi và giảm thặng dư toàn chuỗi
 C. Tăng sự biến động trong chuỗi và tăng thặng dư toàn chuỗi
 D. Giảm sự biến động trong chuỗi và tăng thặng dư toàn chuỗi

ANSWER: A

Các loại rào cản của sự hợp tác trong chuỗi cung ứng là:

- A. Tất cả đáp án đều đúng
 B. Rào cản xử lý thông tin (Information Processing Obstacles)
 C. Rào cản vận hành (Operational Obstacles)
 D. Rào cản do giá (Price)

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (tổng số câu hỏi + thang điểm từng câu hỏi)

Câu hỏi 1: (3 điểm)

Một nhà máy đang có nhu cầu sản xuất là 200,000 đơn vị thành phẩm trong năm tiếp theo và đang mong muốn tiến hành thu mua nguyên vật liệu để tiến hành sản xuất cho nhu cầu này. Được cho biết rằng mỗi một thành phẩm cần 2 nguyên vật liệu và các thông tin chung sau:

- Chi phí đặt hàng: \$45 / đơn hàng
 - Chi phí tồn kho: \$0.25 / nguyên vật liệu
 - Số ngày làm việc: 240 ngày
 - Thời gian chờ (Lead Time): 3 ngày
- a) Tính lượng đặt hàng kinh tế EOQ. (1 điểm)
 - b) Tính thời gian tái đặt hàng (ROP). (1 điểm)
 - c) Tính tổng chi phí đặt hàng và tồn kho của nhà máy. (1 điểm)

Câu hỏi 2: (2 điểm)

Liệt kê các điều kiện Incoterm 2020 mà người xuất khẩu (người bán) có nghĩa vụ thuê phương tiện vận tải (2 điểm)

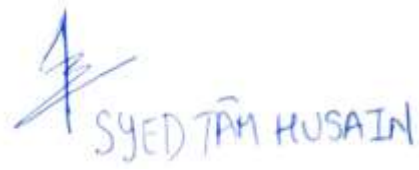
ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

| Phần câu hỏi | Nội dung đáp án | Thang điểm | Ghi chú |
|-----------------------|---|-------------------|----------------|
| I. Trắc nghiệm | | 5.0 | |
| Câu 1 – 20 | | 0.25 | |
| II. Tự luận | | 5.0 | |
| Nội dung 1 | a) $EOQ = \sqrt{2 \cdot 200,000 \cdot 45 / 0.25} = 8944$ nguyên vật liệu (1 điểm) b) $ROP = 400,000 / 240 \cdot 3 = 5000$ nguyên vật liệu (1 điểm) c) Tổng chi phí = $(400,000 / 8944) \cdot 45 + (8944 / 2) \cdot 0.25 = 2012.52 + 2012.52 = \4025.04 (1 điểm) | 3.0 | |
| Nội dung 2 | <p>Sinh viên phải trả lời đầy đủ các đáp án dưới đây. Thiếu 1 đáp án, trừ 0,25 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> – CPT – CFR – CIF – CIP – DAP – DPU – DDP <p>Trường hợp sinh viên ghi toàn bộ các điều kiện incoterm 2020 (11 điều kiện) thì chỉ được tối đa 0,25 điểm cho câu này.</p> | 2.0 | |
| | Điểm tổng | 10.0 | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2023

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



Handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized initial 'S' followed by the name 'SYED TÂM HUSAIN' in capital letters.

ThS. Syed Tâm Husain